| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHỢ MỚI**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 197/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-10-2018.
V/v tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Lại Hiệp Phong.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trương Phước Công.

Ông Đặng Văn Tâm.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 615/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Lệ D, sinh năm 1973; (có mặt).

Cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973; (có mặt).

Cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

**NỘI D VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Lệ D trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Đ quen biết tìm hiểu và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1993. Vợ chồng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian chung sống, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại, vợ chồng không còn sống chung với nhau, vợ chồng tính tình không phù hợp, không có tiếng nói chung. Nay nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với chồng là ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 05 tháng 12 năm 1996; Nguyễn Thị Mỹ X, sinh ngày 10 tháng 02 năm1999 và Nguyễn Trần Vĩ K, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2007. Hiện tại, cháu T và cháu X đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu K đang do bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không đề cập đến

Theo tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất theo lời trình bày của bà D về thời gian tổ chức lễ cưới. Vợ chồng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian chung sống, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn. Hiện tại, vợ chồng không còn chung sống với nhau. Nay, vợ yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 05 tháng 12 năm 1996; Nguyễn Thị Mỹ X, sinh ngày 10 tháng 02 năm1999 và Nguyễn Trần Vĩ K, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2007. Hiện tại, cháu T và cháu X đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu K đang do bà D chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông đồng ý để bà D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không đề cập đến.

Tại phiên tòa:

Bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông Đ đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà D, đồng ý để bà D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bà D khởi kiện ông Đ, ông Đ có nơi cư trú ấp L, xã L, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội D:*

[1]. Về hôn nhân: Bà D và ông Đ có tổ chức lễ cưới vào năm 1993. Ông, bà có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ

của vợ chồng". Xét, không công nhận bà Trần Thị Lệ D và ông Nguyễn Văn Đ là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Bà D và ông Đ xác định có 03 (ba) con chung: Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 05 tháng 12 năm 1996; Nguyễn Thị Mỹ X, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1999 và Nguyễn Trần Vĩ K, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2007. Hiện nay, cháu T, cháu X đã thành niên và ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Đối với cháu K, hiện đang do bà D chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà D, ông Đ thỏa thuận bà D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa hai người không trái quy định của pháp luật và phù hợp với nguyên vọng của cháu K. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của ông Đ và bà D.

[3]. Về cấp dưỡng: Do bà D không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Bà D và ông Đ tự thỏa thuận nên không đề cập đến.

[5]. Về nợ chung: Không đề cập đến nên không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

*Căn cứ:*

Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

***Tuyên xử:***

*Về hôn nhân:* Không công nhận bà Trần Thị Lệ D và ông Nguyễn Văn Đ là vợ chồng.

*Về con chung:* Bà D và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền nuôi con đối với Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 05 tháng 12 năm 1996 và Nguyễn Thị Mỹ X, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1999 đã thành niên nên Tòa án không đề cập giải quyết; bà D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần Vĩ K, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2007.

Bà D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

*Về cấp dưỡng cho con:* Đương sự không yêu cầu, không đề cập giải quyết.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không đề cập đến.

*Về án phí:* Bà Trần Thị Lệ D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo biên lai số 0000074 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 21 tháng 8 năm 2018.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã đóng dấu và ký tên)*

**Lại Hiệp Phong**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu./.